

Bản án số: 79/2025/DS-ST

Ngày: 23-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXX-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Bảo K, sinh năm 1997.

Địa chỉ: B N, khóm Đ, Đ, thành phố Đ, tỉnh An Giang (nay là phường Đ, tỉnh An Giang) (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Hồ Hoàng L, sinh năm 2002.

Địa chỉ: 4 T, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Ông Lê Hoàng K1, sinh năm 2000.

Địa chỉ: B C, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21-02-2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông Hồ Hoàng L và ông K là bạn bè của nhau. Vào năm 2023, ông L có vay của ông K số tiền 30.300.000 đồng và ông K có bán cho ông L 01 chiếc điện thoại Apple iPhone X trị giá 5.700.000 đồng, do ông L chưa trả tiền vay và tiền mua chiếc điện thoại cho ông K nên vào ngày 22-4-2023, ông K và ông L có lập Hợp đồng vay tiền có người làm chứng là ông Lê Hoàng K1. Theo Hợp đồng vay tiền, ông L vay không lãi suất số tiền 30.300.000 đồng bằng tiền mặt và mua của ông K 01 chiếc điện thoại Apple Iphone X trị giá 5.700.000 đồng; Thời hạn trả nợ là 14 tháng kể từ ngày 22-4-2023 đến ngày 22-6-2024; Phương thức trả nợ: Trả một lần, số tiền 36.000.000 đồng không phát sinh lãi.

Sau ngày 22-7-2023, ông K nhiều lần liên hệ ông L để yêu cầu ông L trả tiền tuy nhiên ông L đã từ chối thanh toán cho ông K số tiền trên với lý do không có tiền. Vào ngày 10-01-2024, ông L hẹn ông K xuống Vũng Tàu để trả tiền nhưng khi ông K xuống điểm hẹn thì ông L đã từ chối thanh toán cho ông K số tiền trên với lý do không có tiền và xin gia hạn thêm 6 tháng, đến ngày 22-01-2024.

Sau ngày 22-01-2024, ông K đã nhiều lần liên hệ ông L để đòi tiền, ông L đã từ chối thanh toán cho ông K với lý do không có tiền. Cụ thể, ngày 06-6-2024, ông L yêu cầu ông K xuống Vũng Tàu để trả tiền nhưng khi ông K xuống điểm hẹn thì ông L lại tiếp tục từ chối thanh toán cho ông K với lý do không có tiền và xin gia hạn thêm 5 tháng, đến ngày 22-6-2024.

Sau ngày 22-6-2024, ông K nhiều lần liên hệ ông L để đòi tiền, ông L đã từ chối cho ông K. Đến ngày 07-7-2024, ông L lại hẹn ông K xuống Vũng Tàu, nhưng khi ông K đến điểm hẹn thì ông L tiếp tục từ chối thanh toán cho ông K với lý do không có tiền.

Do vậy, ngày 21-2-2025, ông K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Buộc ông Hồ Hoàng L trả lại số tiền 36.000.000 đồng gốc và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 23-6-2024 đến tháng 02/2025 là 2.400.000 đồng.

Ngày 16-6-2025, ông K có đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể ông K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông L trả lại cho ông K 30.300.000 đồng nợ gốc và lãi tạm tính từ ngày 22-6-2024 đến tháng 6/2025 là 2.958.904 đồng.

- Buộc ông L trả lại cho ông K số tiền 5.700.000 đồng là tiền ông L mua chiếc điện thoại Apple iPhone X của ông K và tiền lãi tạm tính từ ngày 22-6-2024 đến tháng 6 năm 2025 là 562.191 đồng.

Nay ông Trịnh Bảo K xác định ông khởi kiện yêu cầu buộc ông Hồ Hoàng L thanh toán cho ông K:

- Số tiền gốc vay là 30.300.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23-6-2024 đến ngày 23-9-2025 là $30.300.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1 \text{ năm} 3 \text{ tháng} = 3.787.500 \text{ đồng}$. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 34.087.500 đồng.

- Số tiền mua chiếc điện thoại Apple iPhone X là 5.700.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23-6-2024 đến ngày 23-9-2025 là 5.700.000 đồng x 6,5%/năm x 1 năm 3 tháng = 463.125 đồng. Tổng cộng tiền gốc chưa thanh toán và lãi chậm thanh toán là 6.163.125 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông K là: 40.250.625 đồng.

Bị đơn ông Hồ Hoàng L trình bày: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt không lý do.

Người làm chứng ông Lê Hoàng K1 trình bày: Ông xác nhận ngày 22-4-2023, ông có ký làm chứng việc vay tiền giữa ông Trịnh Bảo K và ông Hồ Hoàng L như ông K trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. T buộc ông Hồ Hoàng L phải trả cho ông Trịnh Bảo K tổng số tiền là 40.250.625 đồng, trong đó tiền nợ gốc vay là 30.300.000 đồng; nợ lãi vay là 3.787.500 đồng; tiền nợ mua chiếc điện thoại Apple iPhone X là 5.700.000 đồng; nợ lãi chậm thanh toán là 463.125 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay và tiền mua chiếc điện thoại nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

Bị đơn cư trú tại Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân

khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt, người làm chứng vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Bảo K về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Hoàng L phải trả cho ông K số tiền gốc vay 30.300.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 22-4-2023:

[2.1.1] Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 22-4-2023 giữa ông Trịnh Bảo K và ông Hồ Hoàng L và đơn khởi kiện, đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định bị đơn trú tại địa chỉ: 4 T, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ trên nhưng bị đơn không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn là từ bỏ quyền chứng minh và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1.2] Khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Như vậy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông L không cung cấp văn bản ý kiến, các tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ đã thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1.3] Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 22-4-2023 giữa ông Trịnh Bảo K và ông Hồ Hoàng L do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 22 tháng 4 năm 2023, tại địa chỉ 7 X, Phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh), ông Trịnh Bảo K cho ông Hồ Hoàng L vay số tiền 30.300.000 đồng; lãi suất: Không; thời hạn trả nợ là 14 tháng kể từ ngày 22-4-2023 đến ngày 22-6-2024; phương thức trả 01 lần.

Sau khi vay tiền, ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền. Sau đó, nhiều lần ông K yêu cầu ông L trả tiền

nhưng ông L không trả. Như vậy, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận theo Hợp đồng vay tiền ngày 22-4-2023.

[2.1.4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng với thỏa thuận trong giao dịch vay tiền, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 467 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc ông L có trách nhiệm trả cho ông K số tiền gốc vay 30.300.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Bảo K về việc yêu cầu ông L phải trả tiền lãi của số tiền gốc vay 30.300.000 đồng từ ngày 23-6-2024 đến ngày 23-9-2025 là số tiền 3.787.500 đồng:

Căn cứ Điều 1 Hợp đồng vay tiền ngày 22-4-2023 giữa ông K và ông L, thể hiện: Ông K cho ông L vay tiền không tính lãi suất; Thời hạn trả nợ là 14 tháng kể từ ngày 22-4-2023 đến ngày 22-6-2024 nên xác định khoản vay của ông K và ông L thuộc trường hợp vay không có lãi; hạn trả nợ là ngày 22-6-2024.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại [khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này](#) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Do vậy, ông K yêu cầu ông L phải thanh toán tiền lãi cho ông K với số tiền: $30.300.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 3.787.500 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định.

Từ [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc ông L phải thanh toán cho ông K tổng số tiền $30.300.000 \text{ đồng} + 3.787.500 \text{ đồng} = 34.087.500 \text{ đồng}$.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Trịnh Bảo K về việc yêu cầu ông Hồ Hoàng L thanh toán tiền mua chiếc điện thoại Apple iPhone X trị giá 5.700.000 đồng:

Như đã nhận định ở trên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông L không cung cấp văn bản ý kiến, các tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ đã thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Hợp đồng ngày 22-4-2023, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định thể hiện: Ông Trịnh Bảo K đã bán chiếc điện thoại Apple iPhone X cho ông Hồ Hoàng L với giá 5.700.000 đồng. Thời hạn trả tiền là 14 tháng, kể từ ngày 22-4-2023 đến ngày 22-6-2024. Xét thỏa thuận của ông K và ông L được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện.

Theo thỏa thuận thì thời hạn cuối cùng ông L phải thanh toán tiền mua chiếc điện thoại cho ông K là ngày 22-6-2024, tuy nhiên quá thời hạn trên, ông L vẫn không thanh toán tiền mua chiếc điện thoại cho ông K nên ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K. Buộc ông L có nghĩa vụ thanh toán cho ông K số tiền 5.700.000 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của ông Trịnh Bảo K về việc yêu cầu ông Hồ Hoàng L thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đối với tiền mua chiếc điện thoại:

Điều 306 Luật thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 23-6-2024 đến ngày 23-9-2025 (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là 5.700.000 đồng x 6,5%/năm x 1 năm 3 tháng = 463.125 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng ngày 22-4-2023 thì thời hạn trả tiền là 14 tháng kể từ ngày 22-4-2023 đến ngày 22-6-2024 nên xác định hạn thanh toán là ngày 22-6-2024. Căn cứ vào biểu lãi suất do Ngân hàng TMCP N chi nhánh V, Ngân hàng TMCP C chi nhánh V, Ngân hàng N1 chi nhánh V cung cấp thì thấy ông K yêu cầu mức lãi suất chậm thanh toán 6,5%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường ở địa phương và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông K tiền lãi chậm thanh toán là số tiền 5.700.000 đồng x 6,5%/năm x 1 năm 3 tháng = 463.125 đồng.

Từ [2.3] và [2.4], Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc ông L phải thanh toán cho ông K tiền mua chiếc điện thoại chưa thanh toán và tiền lãi chậm thanh toán là 6.163.125 đồng.

[2.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 40.250.625 đồng, trong đó tiền nợ vay là 34.087.500 đồng và tiền nợ mua chiếc điện thoại Apple iPhone X là 6.163.125 đồng. Tổng số tiền ông L có nghĩa vụ thanh toán cho ông K là 40.250.625 đồng.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $40.250.625 \text{ đồng} \times 5\% = 2.012.531 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, 51, 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 5, 6, 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTNQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Bảo K đối với ông Hồ Hoàng L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Hồ Hoàng L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Bảo K số tiền 40.250.625đ (bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Hoàng L phải nộp 2.012.531đ (hai triệu, không trăm mười hai nghìn, năm trăm ba mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trịnh Bảo K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 960.000đ (chín trăm, sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002873 ngày 08-4-2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 11, TP.HCM;
- THADS thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huê

